

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG, KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NINH GIANG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang)

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí / Môn đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)	Điểm ưu tiên	Điểm bài thi	Tổng điểm	Kết quả
I- CẤP HỌC MẦM NON										
1	1	A001	Đoàn Thị Ngọc Bích	19/01/1992	GV Mầm non	Mầm non Tân Phong		63.5	63.5	Trúng tuyển
2	1	A002	Trần Thị Lan	19/04/1995	GV Mầm non	Mầm non Tân Phong		94.5	94.5	Trúng tuyển
3	1	A003	Nguyễn Thị Thu Phương	11/11/1991	GV Mầm non	Mầm non Đồng Tâm		93.5	93.5	Trúng tuyển
II- CẤP TIỂU HỌC										
1	1	B001	Nguyễn Thị Anh	05/10/1989	GV Tiếng Anh	Tiểu học Ninh Hải		63.5	63.5	Trúng tuyển
2	1	B020	Nguyễn Thị Liễu	01/01/1987	GV Thể dục	Tiểu học Ninh Hải		94.0	94.0	Trúng tuyển
3	2	B044	Nguyễn Văn Tuấn	24/04/1988	GV Thể dục	Tiểu học Ninh Hải	2.5	88.0	90.5	Không Trúng tuyển
4	2	B028	Bùi Thị Nhã	20/06/1993	GV Văn hóa	Tiểu học Ninh Hải		63.3	63.3	Trúng tuyển
5	2	B030	Ngô Thị Nhung	20/10/1989	GV Văn hóa	Tiểu học Ninh Hải		52.0	52.0	Trúng tuyển
6	2	B040	Phan Thị Thu	10/11/1989	GV Văn hóa	Tiểu học Ninh Hải		69.0	69.0	Trúng tuyển
7	1	B004	Phạm Thị Dung	18/01/1995	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Phong		21.3	21.3	Không Trúng tuyển
8	1	B005	Nguyễn Thị Đượm	07/03/1984	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Phong		61.5	61.5	Không Trúng tuyển
9	1	B021	Đào Xuân Linh	02/03/1998	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Phong		61.8	61.8	Trúng tuyển
10	2	B024	Đoàn Thị Mận	12/05/1990	GV Tiếng Anh	Tiểu học Tân Phong		84.0	84.0	Trúng tuyển
11	2	B025	Dương Thúy Nga	22/02/1998	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Phong		73.8	73.8	Trúng tuyển
12	2	B032	Nguyễn Thị Oanh	10/10/1989	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Phong		71.0	71.0	Trúng tuyển

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí /Môn đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)	Điểm ưu tiên	Điểm bài thi	Tổng điểm	Kết quả
13	1	B012	Đồng Thị Hiếu	05/06/1984	GV Tin học	Tiểu học Tân Phong	5	97.0	102.0	Trúng tuyển
14	1	B019	Nguyễn Thị Liễn	16/12/1983	NV Kế toán	Tiểu học Tân Phong	5	85.0	90.0	Trúng tuyển
15	1	B013	Bùi Thị Hồi	14/02/1990	GV Tiếng Anh	Tiểu học Văn Hội		81.0	81.0	Trúng tuyển
16	1	B016	Hoàng Thị Huệ	02/10/1989	GV Tin học	Tiểu học Văn Giang		90.5	90.5	Trúng tuyển
17	1	B003	Bùi Ngọc Dung	17/11/1991	GV Mỹ thuật	Tiểu học Tân Quang		43.5	43.5	Không Trúng tuyển
18	1	B014	Lê Thị Hồng	04/10/1990	GV Tiếng Anh	Tiểu học Tân Quang II		94.5	94.5	Trúng tuyển
19	2	B023	Đỗ Thị Luận	19/09/1990	GV Tiếng Anh	Tiểu học Tân Quang II		89.5	89.5	Trúng tuyển
20	2	B035	Nguyễn Thị Sen	08/07/1999	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Quang II		76.0	76.0	Trúng tuyển
21	1	B010	Ngô Thị Hạnh	28/05/1986	GV Tin học	Tiểu học Hưng Thái		92.5	92.5	Không Trúng tuyển
22	2	B027	Bùi Thị Ngọt	28/06/1990	GV Tin học	Tiểu học Hưng Thái		97.5	97.5	Trúng tuyển
23	2	B039	Nguyễn Thị Thu	09/09/1985	GV Tin học	Tiểu học Hưng Long	5	88.5	93.5	Trúng tuyển
24	1	B002	Nguyễn Thị Chiêm	02/03/1982	GV Tin học	Tiểu học Hồng Phúc	5	86.5	91.5	Trúng tuyển
25	2	B026	Phạm Thị Ngát	20/04/1981	GV Tiếng Anh	Tiểu học Hồng Phong		91.5	91.5	Trúng tuyển
26	2	B031	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/12/1991	NV Kế toán	Tiểu học Hồng Phong		83.5	83.5	Trúng tuyển
27	1	B017	Nguyễn Huệ Hương	24/10/1995	NV Kế toán	Tiểu học Hồng Dụ		81.0	81.0	Trúng tuyển
28	2	B041	Nguyễn Thị Trà	26/07/1981	GV Tin học	Tiểu học Hồng Dụ		94.5	94.5	Trúng tuyển
29	1	B006	Nguyễn Thị Hà	07/09/1983	GV Tin học	Tiểu học Ninh Thành		81.5	81.5	Trúng tuyển
30	2	B022	Hà Duy Bảo Long	19/10/1992	GV Tin học	Tiểu học Tân Hương		95.5	95.5	Trúng tuyển
31	1	B008	Vũ Thị Thu Hà	25/10/1999	GV Văn hóa	Tiểu học Tân Hương		54.5	54.5	Trúng tuyển

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí /Môn đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)	Điểm ưu tiên	Điểm bài thi	Tổng điểm	Kết quả
32	1	B018	Nguyễn Thị Lệ	20/05/1996	GV Tiếng Anh	Tiểu học Quyết Thắng		86.0	86.0	Trúng tuyển
33	2	B036	Bùi Thị Thanh	26/06/1986	GV Văn hóa	Tiểu học Quyết Thắng		76.3	76.3	Trúng tuyển
34	1	B007	Nguyễn Thị Hà	26/06/1995	GV Văn hóa	Tiểu học Nghĩa An		53.0	53.0	Trúng tuyển
35	1	B015	Nguyễn Thị Huê	30/09/1990	GV Tiếng Anh	Tiểu học Vạn Phúc		92.5	92.5	Trúng tuyển
36	2	B043	Đỗ Minh Tuấn	04/05/1988	GV Văn hóa	Tiểu học Ninh Hòa		74.0	74.0	Trúng tuyển
37	1	B009	Nguyễn Thị Hải	30/06/1987	GV Văn hóa	Tiểu học Hồng Đức		74.0	74.0	Trúng tuyển
38	2	B033	Nguyễn Thị Phượng	01/10/1992	GV Văn hóa	Tiểu học Hồng Đức		71.3	71.3	Trúng tuyển
39	1	B011	Nguyễn Thị Hiên	14/05/1988	GV Tiếng Anh	Tiểu học Hồng Đức		96.0	96.0	Trúng tuyển
40	2	B037	Đỗ Thị Thạo	19/06/1991	GV Tiếng Anh	Tiểu học An Đức		85.0	85.0	Trúng tuyển
41	2	B029	Bùi Thị Nhung	12/07/1982	GV Tin học	Tiểu học Hiệp Lực	5	82.5	87.5	Trúng tuyển
42	2	B042	Đào Văn Trung	27/06/1987	GV Tin học	Tiểu học Vĩnh Hòa		95.0	95.0	Trúng tuyển
43	2	B038	Đặng Thị Xuân Thu	05/09/1988	GV Tin học	Tiểu học TT Ninh Giang		95.5	95.5	Trúng tuyển

III- CẤP THCS

1	3	C001	Hoàng Thị Phương Dung	28/09/1988	GV Toán	THCS Tân Phong		68.0	68.0	Không Trúng tuyển
2	3	C014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	30/05/1991	GV Toán	THCS Tân Phong		92.0	92.0	Không Trúng tuyển
3	4	C026	Trần Thị Vân	05/03/1993	GV Toán	THCS Tân Phong		95.0	95.0	Trúng tuyển
4	4	C029	Đinh Thị Yến	03/03/1989	GV Toán	THCS Tân Phong		68.0	68.0	Không Trúng tuyển
5	3	C003	Trần Thị Hà	21/01/1995	GV Tiếng Anh	THCS Hưng Thái		80.0	80.0	Trúng tuyển
6	4	C019	Lê Thị Tho	02/02/1989	GV Tiếng Anh	THCS Hưng Thái		69.5	69.5	Không Trúng tuyển

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí /Môn đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)	Điểm ưu tiên	Điểm bài thi	Tổng điểm	Kết quả
7	4	C028	Bùi Thị Hải Yến	19/09/1999	GV Tiếng Anh	THCS Hưng Thái		28.5	28.5	Không Trúng tuyển
8	3	C006	Trần Thị Hoa	09/09/1992	GV Vật lý	THCS Hưng Thái		68.5	68.5	Trúng tuyển
9	3	C004	Lý Thị Hạnh	19/02/1988	GV Vật lý	THCS Văn Giang		78.0	78.0	Trúng tuyển
10	3	C015	Nguyễn Thị Tâm	28/12/1996	GV Toán	THCS Văn Hội		72.0	72.0	Trúng tuyển
11	4	C017	Nguyễn Phương Thảo	12/02/1997	GV Lịch sử	THCS Tân Quang		55.3	55.3	Trúng tuyển
12	4	C022	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/05/1999	GV Lịch sử	THCS Tân Quang		13.3	13.3	Không Trúng tuyển
13	4	C030	Trần Thị Yến	20/11/1984	GV Lịch sử	THCS Tân Quang		39.5	39.5	Không Trúng tuyển
14	4	C024	Trần Thị Tuyết	10/03/1986	GV Tiếng Anh	THCS Tân Quang	5	54.0	59.0	Trúng tuyển
15	3	C005	Bùi Thị Thu Hiền	01/08/1998	GV Tiếng Anh	THCS Nghĩa An		80.0	80.0	Trúng tuyển
16	3	C007	Nguyễn Thị Huế	27/03/1991	GV Toán	THCS Vĩnh Hòa		91.0	91.0	Không Trúng tuyển
17	3	C008	Nguyễn Thị Khánh Ly	16/12/1995	GV Toán	THCS Vĩnh Hòa		96.0	96.0	Trúng tuyển
18	3	C011	Bùi Thị Ngân	20/09/1997	GV Toán	THCS Quyết Thắng		78.0	78.0	Trúng tuyển
19	4	C021	Nguyễn Thị Trang	30/11/1991	GV Ngữ văn	THCS Quyết Thắng		82.0	82.0	Trúng tuyển
20	4	C016	Nguyễn Dạ Thảo	26/07/1997	GV Toán	THCS Hồng Đức		56.0	56.0	Không Trúng tuyển
21	4	C020	Nguyễn Thị Thu	30/09/1998	GV Toán	THCS Hồng Đức		62.0	62.0	Trúng tuyển
22	3	C012	Nguyễn Thị Nhung	13/04/1990	GV Toán	THCS An Đức		73.0	73.0	Trúng tuyển
23	4	C018	Phạm Phương Thảo	02/02/1999	GV Tiếng Anh	THCS Đồng Tâm		71.0	71.0	Trúng tuyển
24	4	C025	Hà Thị Tươi	03/06/1989	GV Vật lý	THCS Đồng Xuyên		63.5	63.5	Trúng tuyển

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí /Môn đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)	Điểm ưu tiên	Điểm bài thi	Tổng điểm	Kết quả
IV- TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN										
1	5	E001	Võ Thị Thu Hằng	08/05/1996	GV Toán	Trung tâm GDNN-GDTX		65.3	65.3	Không Trúng tuyển
2	5	E002	Hà Thị Ngát	06/09/1995	GV Toán	Trung tâm GDNN-GDTX		68.0	68.0	Trúng tuyển
3	6	E003	Đào Thị Quyên	11/12/1983	GV Ngữ văn	Trung tâm GDNN-GDTX		79.8	79.8	Trúng tuyển